

Bản án số 10/2022/HS-ST
Ngày 17 - 02 - 2022

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRỰC NINH, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Chu Thái Hà.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Đình Thanh

Bà Lưu Thị Thanh Nhâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích Thủy - Thư ký TAND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trực Ninh tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Thuần - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 87/2021/TLST- HS ngày 01 tháng 12 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 05/2022/QĐXXST-HS ngày 07 tháng 02 năm 2022, đối với bị cáo:

Phan Minh S, sinh năm 1999 tại Nam Định.

Nơi ĐKKHKT: thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nơi cư trú: TDP Đ, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 08/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Văn L; Con bà: Lương Thị H; Vợ: Phạm Thị T; có 01 con S1h năm 2018; Tiền án, tiền sự: Chưa có.

Bị cáo áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. Có mặt.

* Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Chị Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 2001, Địa chỉ: TDP B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Anh Vũ Văn Q, sinh năm 1993, Địa chỉ: Xóm B, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Thanh Đ, sinh năm 1980, Địa chỉ: Xóm 16, xã N, huyện N, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Quang Tr, sinh năm 2004, Địa chỉ: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Người đại diện theo pháp luật của anh Nguyễn Quang Tr: bà Vũ Thị T, nơi cư trú: Xóm P, xã T, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt).

Anh Nguyễn Đức S1, sinh năm 1981, nơi cư trú: TDP B, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

Anh Nguyễn Quyền A, sinh năm 1995, nơi cư trú: Xóm N, xã V, huyện T, tỉnh Nam Định. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Minh S thuê nhà ở số 94 TDP T, Thị trấn C, huyện Trực Ninh để mở cửa hàng kinh doanh dịch cầm đồ. Lợi dụng hoạt động kinh doanh dịch vụ cầm đồ, S còn cho người khác vay tiền không cần thế chấp (theo hình thức tín chấp) với lãi suất cao để thu lợi bất chính. Khi khách có nhu cầu vay tiền, S đưa ra mức lãi suất và thống nhất với người vay là 5.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương với lãi suất 180%/1 năm, trả lãi hàng tháng. Khi cho khách vay tiền, S yêu cầu người vay viết một giấy mượn tiền theo mẫu S đã soạn thảo sẵn, lãi suất vay không ghi vào giấy mượn tiền, S cắt luôn tiền lãi của tháng đầu tiên vào số tiền khách vay. Từ năm 2020 đến khi bị phát hiện Phan Minh S đã cho những người sau vay tiền cụ thể là:

1. Ngày 25/9/2020 (âm lịch) tức ngày 10/11/2020 dương lịch, chị Nguyễn Thị Thu T vay S số tiền 10.000.000đ. S và chị T thống nhất mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, mỗi tháng chị T phải trả tiền lãi cho S 1.500.000đ. S yêu cầu chị T viết giấy mượn tiền, sau đó đưa cho chị T số tiền 8.500.000đ, S đã giữ lại 1.500.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên. S yêu cầu chị T đến ngày 25 âm lịch hàng tháng phải đóng tiền lãi cho S.

Tính đến tháng 10/2021 chị T đã đóng 11 tháng tiền lãi, cộng với tiền lãi tháng đầu tiên là 12 tháng $\times$ 1.500.000đ/1 tháng = 18.000.000đ. Đến nay chị T vẫn nợ S số tiền gốc đã vay.

Theo quy định của Bộ luật dân sự, số tiền lãi hợp pháp của S là 20%/năm của khoản tiền vay (tức là tiền gốc). Như vậy số tiền lãi hợp pháp là: $(10.000.000 \times 20\%) : 12 \times 12 = 2.000.000đ$.

Số tiền S thu lời bất chính là: $18.000.000đ - 2.000.000đ = 16.000.000đ$.

2. Ngày 26/9/2020 anh Vũ Văn Q nhờ anh Phạm Văn T vay của S số tiền 30.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, mỗi tháng phải trả tiền lãi cho S 4.500.000đ. Anh T cũng viết một giấy mượn tiền theo mẫu S đưa, do có mối quan hệ quen biết nên S đưa đủ cho anh T số tiền 30.000.000đ mà không trừ ngay tiền lãi của tháng đầu tiên. Sau khi vay tiền của S, anh T đã đưa cho anh Q 30.000.000đ. Hàng tháng anh Q đứng ra trả tiền lãi cho S. Từ ngày 26/9/2020

đến ngày 26/01/2021 (04 tháng) anh Q đã trả tiền lãi cho S là $4.500.000đ \times 4$ tháng = 18.000.000đ. Từ 26/01/2021 đến 26/5/2021 (04 tháng), S đã giảm lãi suất vay xuống còn 3.000.000đ/tháng tương đương với khoảng 3.300đ/1 triệu/1 ngày (tương đương khoảng 120%/năm) và anh Q đã trả tiền lãi là $3.000.000đ \times 04$ tháng = 12.000.000đ. Từ ngày 26/6/2021 S tiếp tục giảm mức lãi suất cho anh Q xuống 2.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 72%/năm, số tiền lãi hàng tháng của khoản vay là 1.800.000đ. Từ tháng 6/2021 đến nay, anh Q đóng cho S 04 tháng tiền lãi là $1.800.000đ \times 04$ tháng = 7.200.000đ. Đến nay anh Q chưa trả S số tiền gốc đã vay.

Số tiền lãi hợp pháp của S từ 26/9/2020 đến 26/5/2021 (08 tháng) cho vay với lãi suất lần lượt 5000đ/1 triệu/1 ngày và 3000đ/1 triệu/1 ngày là: $30.000.000 \times 20\%$: $12 \times 8 = 4.000.000$ đồng.

Số tiền S thu lời bất chính trong 08 tháng là: $30.000.000đ - 4.000.000đ = 26.000.000$ đồng.

Từ ngày 26/6/2021 S đã giảm lãi suất cho anh Q xuống còn 2.000đ/1 triệu/1 ngày tương đương 72%/năm, mức lãi suất này chỉ gấp 3,6 lần mức lãi suất pháp luật cho phép nên không xem xét xử lý hình sự đối với mức lãi suất này.

Số tiền lãi hợp pháp của S từ ngày 26/6/2021 đến tháng 10/2021 (04 tháng) là: $(30.000.000đ \times 20\%) : 12 \times 4 = 2.000.000đ$.

Số tiền S thu lời bất chính trong 04 tháng là: $7.200.000đ - 2.000.000đ = 5.200.000$ đồng.

3. Ngày 26/10/2020 âm lịch (tức ngày 10/12/2020 dương lịch), anh Nguyễn Thanh Đ vay của S số tiền 20.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, mỗi tháng anh Đ phải trả tiền lãi là 3.000.000đ. S đưa cho anh Đ số tiền 17.000.000đ, S đã giữ lại 3.000.000đ tiền lãi của tháng đầu tiên. Từ 26/10/2020 đến 26/7/2021 âm lịch (09 tháng), anh Đ đã trả tiền lãi cho S là $3.000.000đ \times 9$ tháng = 27.000.000đ. Ngày 26/7/2021 anh Đ trả S 10.000.000đ tiền gốc còn nợ lại S 10.000.000đ và tiếp tục trả lãi hàng tháng của số tiền này là 1.500.000đ/tháng. Từ 26/7/2021 đến nay anh Đ đã trả 02 tháng tiền lãi tương đương với số tiền 3.000.000đ. Đến nay anh Đ chưa trả S số tiền gốc 10.000.000đ đã vay. Số tiền lãi hợp pháp của S là: $(20.000.000đ \times 20\%) : 12 \times 9$ tháng + $(10.000.000đ \times 20\%) : 12 \times 2$ tháng = 3.333.333đ.

Số tiền thu lời bất chính là: $27.000.000đ + 3.000.000đ - 3.333.333đ = 26.666.667$ đồng.

4. Ngày 10/3/2021 âm lịch (tức ngày 21/4/2021 dương lịch), anh Trần Quang Tr vay của S số tiền 5.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, mỗi tháng anh Tr phải trả 750.000đ tiền lãi. S cũng giữ luôn tiền lãi của tháng đầu tiên và chỉ đưa cho Tr 4.250.000đ. Tổng số tiền lãi Tr đã trả cho S là $750.000đ \times 6$ tháng = 4.500.000đ. Đến nay, anh Tr chưa trả S số tiền gốc đã vay.

Số tiền lãi hợp pháp của S là: $(5.000.000 \times 20\%) : 12 \times 6 \text{ tháng} = 500.000\text{đ}$.

Số tiền S thu lời bất chính là: $4.500.000\text{đ} - 500.000\text{đ} = 4.000.000\text{đ}$.

Ngày 10/6/2021 âm lịch (tức ngày 19/7/2021 dương lịch), anh Tr tiếp tục vay thêm S số tiền 5.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tiền lãi mỗi tháng là 750.000đ. Đến ngày 09/8/2021 âm lịch (tức ngày 15/9/2021 dương lịch), Tr đã trả cho S số tiền gốc đã vay là 5.000.000đ. Số tiền lãi Tr đã trả cho S là $750.000\text{đ} \times 02 \text{ tháng} = 1.500.000\text{đ}$.

Số tiền lãi của S là: $(5.000.000 \times 20\%) : 12 \times 2 \text{ tháng} = 166.666\text{đ}$.

Số tiền S thu lời bất chính là: $1.500.000\text{đ} - 166.666\text{đ} = 1.333.334\text{đ}$.

Đến ngày 22/8/2021, Trần Quang Tr nhờ Vũ Đình Chiến đến vay S số tiền 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày, tiền lãi mỗi tháng là 1.500.000đ. S giữ lại lãi suất tháng đầu tiên nên đưa cho Chiến số tiền 8.500.000đ và Chiến đã đưa cho Tr số tiền trên. Đến ngày 15/9/2021 Tr đã đưa cho Chiến số tiền 10.000.000đ để Chiến trả cho S.

Số tiền lãi hợp pháp của S là: $(10.000.000 \times 20\%) : 12 \times 1 \text{ tháng} = 166.666\text{đ}$.

Số tiền S thu lời bất chính là: $1.500.000\text{đ} - 166.666\text{đ} = 1.333.334\text{đ}$.

5. Ngày 06/7/2021 âm lịch (tức ngày 13/8/2021 dương lịch), anh Nguyễn Đức S1 vay S số tiền 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến tháng 10/2021, anh S1 đã trả S số tiền gốc đã vay. Số tiền lãi anh S1 đã trả cho S là $1.500.000\text{đ} \times 02 \text{ tháng} = 3.000.000\text{đ}$.

Số tiền lãi hợp pháp của S là: $(10.000.000 \times 20\%) : 12 \times 2 \text{ tháng} = 333.333\text{đ}$.

Số tiền S thu lời bất chính là: $3.000.000\text{đ} - 333.333\text{đ} = 2.666.667\text{đ}$.

6. Đầu tháng 5/2021, anh Nguyễn Quyền A vay S số tiền 10.000.000đ với mức lãi suất 5.000đ/1 triệu/1 ngày. Đến đầu tháng 8/2021, anh Quyền A đã trả số tiền gốc đã vay. Số tiền lãi anh Nguyễn Quyền A đã trả cho S là $1.500.000\text{đ} \times 03 \text{ tháng} = 4.500.000\text{đ}$.

Số tiền lãi hợp pháp của S là: $(10.000.000 \times 20\%) : 12 \times 3 \text{ tháng} = 500.000\text{đ}$.

Số tiền thu lời bất chính là: $4.500.000\text{đ} - 500.000\text{đ} = 4.000.000\text{đ}$.

Đến đầu tháng 10/2021, Phan Minh S đã dừng hoạt động kinh doanh cầm đồ và trả lại nhà ở số 94 tổ dân phố T, thị trấn C, huyện Trục Ninh cho ông Nguyễn Xuân Đ. Những giấy mượn tiền của những người vay S đem về nhà cất giữ. Đến ngày 06/10/2021 khi làm việc với cơ quan Công an, S đã gọi điện cho anh Bùi Tuyên H (là cháu họ của S) đến nhà S cầm hộ 03 giấy mượn tiền S đến giao nộp cơ quan Công an.

Như vậy, tổng số tiền Phan Minh S đã sử dụng để cho chị Nguyễn Thị Thu T, anh Vũ Văn Q, Nguyễn Thanh Đ, Trần Quang Tr, Nguyễn Đức S1 và Nguyễn Quyền A vay là 100.000.000đ. Trong đó số tiền người vay đã trả S là 45.000.000đ còn lại số tiền 55.000.000đ, những người vay chưa trả cho S gồm chị T 10.000.000 đồng, anh Đ 10.000.000 đồng, anh Tr 5.000.000 đồng, anh Q 30.000.000 đồng.

Tổng số tiền lãi Phan Minh S đã thu được của những người vay là 100.200.000đ. Trong đó:

+ Tổng số tiền lãi trong mức lãi suất giới hạn 20%/1 năm theo quy định Phan Minh S chiếm hưởng khi cho chị T, anh Q, anh Đ, anh Tr, anh S1 và anh Quyền A vay tiền là: 12.999.998đ .

+ Tổng số tiền lãi vượt quá mức lãi suất giới hạn 20%/1 năm, S chiếm hưởng khi cho chị T, anh Q, anh Đ, anh Tr, anh S1 và anh Quyền A vay tiền là: 87.200.002đ. Trong đó số tiền S thu lợi bất chính phải chịu trách nhiệm hình sự là 82.000.002đ.

** Vật chứng thu giữ :*

- Khám xét khẩn cấp nơi ở của Phan Minh S tạm giữ: 02 (hai) giấy mượn tiền khổ giấy A4, người mượn tiền ghi và ký tên Nguyễn Thị Thu T và Trần Quang Tr.

Phan Minh S nhờ Bùi Tuyên H mang đến tự nguyện giao nộp: 03 (ba) giấy mượn tiền khổ giấy A4, người mượn tiền ghi và ký tên Nguyễn Đức S1, Phạm Văn T và Nguyễn Thanh Đ.

Ngoài ra không thu giữ thêm gì của S.

Phan Minh S tự nguyện giao nộp số tiền 145.200.000đ gồm 45.000.000 đồng là số tiền gốc S sử dụng để cho vay mà người vay đã trả cho S và 100.200.000 đồng là tiền lãi suất S đã thu của những người vay tiền.

Những người đã vay tiền của S nhưng chưa trả tiền gốc tự nguyện giao nộp tổng số tiền 55.000.000đ gồm anh Đ 10.000.000đ, anh Tr 5.000.000đ , anh Q 30.000.000đ, chị T 10.000.000đ.

Ông Nguyễn Xuân Đ cho Phan Minh S thuê nhà mở cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ nhưng không biết S thực hiện hành vi cho vay lãi nặng nên không xem xét xử lý.

Đối với anh Bùi Tuyên H: Ngày 6/10/2021 được S nhờ cầm 03 giấy mượn tiền, tuy nhiên anh H không biết việc S cho người khác vay tiền với mức lãi xuất cao vượt quá quy định nên không có căn cứ xử lý.

Đối với Phạm Văn T vay S cho Vũ Văn Q 30.000.000đ, Vũ Đình C vay S cho Trần Quang Tr 10.000.000đ là giao dịch dân sự: CQĐT không xem xét xử lý.

Đối với số tiền 100.000.000đ là số tiền gốc Phan Minh S sử dụng để cho người khác vay với lãi suất cao quá mức quy định để chiếm hưởng trái phép và

12.999.998đ là tiền lãi suất S được hưởng theo quy định đã thu của những người vay nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm đã chuyển Chi cục Thi hành án dân sự huyện chờ xử lý.

Đối với số tiền lãi vượt quá mức quy định mà S đã thu lợi bất chính của những người vay tiền: 87.200.002đ: Quá trình điều tra xác định số tiền này những người vay không sử dụng vào mục đích bất hợp pháp. Cơ quan điều tra đã trả lại cho những người vay tiền cụ thể: Trả lại chị T 16.000.000đ, anh Q 31.200.000đ, anh Đ 26.666.667đ, anh Tr 6.666.668đ, anh S1 2.666.667đ và anh Nguyễn Quyền A 4.000.000đ.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận hành vi phạm tội nêu trên.

Cáo trạng số 82/CT-VKS ngày 29 tháng 11 năm 2021 của VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định đã truy tố bị cáo Phan Minh S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 điều 201 Bộ luật hình sự.

Đại diện VKSND huyện Trục Ninh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo tội danh và điều luật đã viện dẫn tại bản Cáo trạng nêu trên và đề nghị Hội đồng xét xử :

- Tuyên bố bị cáo Phan Minh S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 1 Điều 201 BLHS.

- Về hình phạt: Căn cứ khoản 1 Điều 201 BLHS , điểm b, khoản 1 Điều 51 điều 36 BLHS xử phạt bị cáo Phan Minh S từ 15 - 18 tháng cải tạo không giam giữ. Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

- Về hình phạt bổ sung: Áp dụng hình phạt tiền đối với bị cáo. Phạt tiền đối với bị cáo Phan Minh S từ 10.000.000đ – 20.000.000đ.

- Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào điểm a,b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm a, b khoản 2 điều 106 BLTTHS: Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 112.999.998đ.

Về án phí: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Lời nói sau cùng bị cáo đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải và xin HĐXX giảm nhẹ một phần hình phạt để bị cáo cải tạo thành công dân có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định: Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thuộc Cơ quan CSĐT, VKSND huyện Trục Ninh đã thực hiện trong quá trình điều tra, truy tố đối với vụ án đều hợp pháp.

[2] Về quan điểm Đại diện VKS, bị cáo tại phần thủ tục tranh luận: HĐXX thấy việc tranh luận, đối đáp đúng trình tự quy định của pháp luật, thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của mình khi tranh tụng và đều giữ nguyên quan điểm. Quan điểm của đại diện VKS, bị cáo đã được HĐXX cân nhắc, đánh giá khi nghị án.

[3] Hành vi phạm tội của bị cáo Phan Minh S được chứng minh bằng lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên toà cùng các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ như: Các biên bản lấy lời khai của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, biên bản lấy lời khai của bị cáo, giấy mượn tiền.... nên có đủ căn cứ để kết luận: Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 8 năm 2021 tại cửa hàng kinh doanh dịch vụ cầm đồ mang tên Phan Minh S tại số nhà 94, TDP T, thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định, Phan Minh S đã có hành vi cho chị Nguyễn Thị Thu T, anh Vũ Văn Q, anh Nguyễn Thanh Đ, anh Trần Quang Tr, anh Nguyễn Đức S1, anh Vũ Đình C và anh Nguyễn Quyền A vay tổng số tiền là 100.000.000 đồng với các mức lãi suất 5000đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 180%/năm, lãi suất 3.300đ/01 triệu/01 ngày tương đương với lãi suất 120%/năm. Mức lãi suất trên gấp 9 lần và 6 lần mức lãi suất quy định trong Bộ luật dân sự. Tổng số tiền thu lợi bất chính là 82.000.002 đồng.

Hành vi nêu trên của bị cáo Phan Minh S đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 201 BLHS.

Việc VKSND huyện Trực Ninh, tỉnh Nam Định truy tố bị cáo Phan Minh S tại bản Cáo trạng số 82/CT-VKS-TN ngày 29 tháng 11 năm 2021, là có căn cứ, đúng pháp luật.

[4] Hành vi của bị cáo là hành vi nguy hiểm cho xã hội bởi lẽ trực tiếp xâm hại tới trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước về lĩnh vực hoạt động tín dụng, xâm phạm đến lợi ích của công dân - khách thể đã được BLHS ghi nhận và bảo vệ. Mặc dù, biết việc cho vay lãi nặng là trái pháp luật, gây thiệt hại cho người vay và bị Nhà nước nghiêm cấm nhưng vì động cơ tư lợi mà bị cáo Phan Minh S vẫn cố ý thực hiện. Do đó, bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự về hành vi phạm tội của mình. Việc đưa bị cáo ra xét xử công khai, xử lý về hình sự là cần thiết nhằm góp phần trong công cuộc đấu tranh phòng chống tội phạm.

[5] Về tình tiết tăng nặng TNHS: Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng TNHS nào.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ TNHS: Khi quyết định hình phạt cũng cần cân nhắc tới tình tiết: bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên toà đã thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, người phạm tội tự nguyện khắc phục hậu quả, phạm tội lần đầu thuộc Tr hợp ít nghiêm trọng, bản thân bị cáo có nhân thân tốt, nơi cư trú rõ ràng - Để giảm nhẹ 1 phần hình phạt cho bị cáo theo quy định tại điểm b,i, s khoản 1, Điều 51 BLHS để vừa thể hiện tính nhân đạo, công bằng của pháp luật, vừa đảm bảo tác dụng giáo dục cải tạo bị cáo.

[7] Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả của hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân của bị cáo HĐXX xét thấy: Bị cáo có nhân thân tốt, có nhiều tình tiết giảm nhẹ, nơi cư trú rõ ràng, tính chất vụ án là ít nghiêm trọng xét thấy không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà áp dụng Điều 36 BLHS về cải tạo không giam giữ, cho bị cáo tự cải tạo dưới sự giám sát của chính quyền địa phương là phù hợp với các quy định của pháp luật.

Xét thấy bị cáo không có thu nhập ổn định nên miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

[8] Về hình phạt bổ sung: HĐXX xét thấy bị cáo phạm tội với mục đích vụ lợi nên cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[9] Về xử lý vật chứng:

Đối với số tiền lãi vượt quá quy định pháp luật mà bị cáo đã thu lợi bất chính của những người vay tiền là 87.200.002 đồng. Quá trình điều tra xác định số tiền này những người vay không dùng sử dụng vào mục đích bất hợp pháp nên cơ quan điều tra đã trả lại cho những người vay cụ thể là trả lại cho chị T 16.000.000đ, anh Q 31.200.000đ, anh Đ 26.666.667đ, anh Tr 6.666.668đ, anh S1 2.666.667đ, anh Quyền A 4.000.000đ.

Xét thấy việc xử lý vật chứng của CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh là đúng quy định của pháp luật nên HĐXX không xem xét.

Đối với số tiền 100.000.000đ là số tiền gốc bị cáo sử dụng để cho người khác vay với lãi suất cao quá mức quy định để chiếm hưởng trái phép và 12.999.998đ là tiền lãi suất S được hưởng theo quy định đã thu của những người vay nhưng là khoản tiền phát sinh từ tội phạm cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

[11] Về án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ vào khoản 1 Điều 201; điểm b,i,s khoản 1 Điều 51, điều 36 BLHS: Tuyên bố bị cáo Phan Minh S phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt Phan Minh S 15 (Mười lăm) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan được giao giám sát, giáo dục bị cáo nhận được quyết định thi hành án và bản sao Bản án.

Miễn khấu trừ thu nhập cho bị cáo.

Giao bị cáo cho UBND TT C, huyện T, tỉnh Nam Định giám sát giáo dục trong thời gian cải tạo.

2. Về hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 3 Điều 201BLHS: Phạt bị cáo Phan Minh S số tiền 20.000.000đ sung quỹ nhà nước.

3. Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 47 BLHS; điểm b khoản 2 Điều 106 BLTTHS, điểm a,b khoản 1 Điều 5 Nghị Q số 01/2021/NQ-HĐTP ngày 20/12/2021 của HĐTP-TANDTC:

+ Tịch thu sung ngân sách nhà nước số tiền 112.999.998 đồng.

(Số tiền 112.999.998đ nêu trên đã được CQCSĐT Công an huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định gửi tại tài khoản tạm giữ của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trục Ninh, tỉnh Nam Định ngày 30 tháng 11 năm 2021.)

4. Án phí Hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào khoản 2 Điều 135 và khoản 2 Điều 136 BLTTHS, Nghị Q 326/2016/UBTVQH về án phí, lệ phí Tòa án: Buộc các bị cáo Phan Minh S phải nộp 200.000 đồng.

5. Quyền kháng cáo: Bị cáo Phan Minh S có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người có quyền nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc được tổng đạt Bản án hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trong Tr hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định + huyện Trục Ninh;
- Công an huyện Trục Ninh;
- Chi cục THADS huyện Trục Ninh;
- UBND thị trấn C, huyện T, tỉnh Nam Định;
- Bị cáo
- Hồ sơ vụ án;
- Lưu: VP

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

Chu Thái Hà